

NỀN KINH TẾ TRI THỨC

KHÁI NIỆM, TIÊU CHÍ PHẢN ÁNH VÀ NHẬN DẠNG PHÁT TRIỂN Ở NƯỚC TA

TS. Nguyễn Trần Quế
Viện Kinh Tế và Chính Trị Thế Giới

I. Khái niệm

Nền kinh tế tri thức, còn gọi là kinh tế dựa vào tri thức (KBE - Knowledge - Based Economy) là nền kinh tế chủ yếu dựa vào tri thức, trên cơ sở phát triển khoa học và công nghệ cao. OECD (Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế) dịch nghĩa: "Nền kinh tế tri thức là nền kinh tế ngày càng phụ thuộc trực tiếp vào việc sản xuất phân phối và sử dụng tri thức và thông tin" (OECD 1996)

Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) định nghĩa: "Nền kinh tế tri thức là nền kinh tế mà trong đó quá trình sản xuất, phân phối và sử dụng tri thức trở thành động lực chính cho tăng trưởng, cho quá trình tạo ra của cải và việc làm trong tất cả các ngành kinh tế" (APEC 2000).

Ngân hàng Thế giới (WB, 2000) đánh giá "Đối với các nền kinh tế tiên phong trong nền kinh tế Thế giới, cán cân giữa hai yếu tố tri thức và các nguồn lực đang nghiêng về tri thức. Tri thức thực sự đã trở thành yếu tố quan trọng nhất quyết định mức sống - hơn cả yếu tố đất đai, hơn cả yếu tố tư liệu sản xuất, hơn cả yếu tố lao động. Các nền kinh tế phát triển nhất về công nghệ ngày nay thực sự đã dựa vào tri thức".

Trong vài năm gần đây, nổi lên một sự công nhận rộng rãi về vai trò ngày càng tăng của tri thức trong các quy trình sản xuất và sự chuyển biến của các nền kinh tế công nghiệp thành nền kinh tế dựa trên cơ sở tri thức (KBE).

Trong KBE, khả năng sáng tạo và sử dụng tri thức là điều quyết định cho sự thành công của tất cả các lĩnh vực, trong đó có cả các ngành "Công nghệ cao" và các ngành truyền thông.

Một sự phát triển mới có liên quan mật thiết với xu thế phát triển nền kinh tế tri thức, đó là xu thế đang nổi lên hiện nay trong số các nền kinh tế thành viên APEC để hướng tới nền kinh tế mới (New Economy). Trong hầu hết các năm gần đây các nền kinh tế APEC phát triển nhất, đạt nhiều thành tích cao nhất và tăng trưởng mạnh mẽ, với tỷ lệ thất nghiệp và mức lạm phát thấp, ổn định. Một yếu tố then chốt trong thành tích đáng ghi nhận đó là sự gia tăng nhanh tốc độ tăng năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp - Total Factor Productivity- TFP). Ví dụ như ở Mỹ, việc đạt được thành tích tăng năng suất lao động mạnh mẽ chính một phần là nhờ vào việc tăng nguồn vốn và đặc biệt là nguồn vốn công nghệ thông tin và truyền thông. Bên cạnh đó, vai trò của công nghệ thông tin và mạng Internet tăng lên nhanh chóng đã dẫn đến sự xuất hiện của đầu tư tư bản vô hình, trong đó có sự sáng tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới, thiết kế lại công tác quản lý và các quy trình sản xuất.

Về khái niệm, thuật ngữ "Nền kinh tế mới" được xác định theo các quan điểm khác nhau. Trong khi một số nhà phân tích cho rằng khái niệm này đồng nghĩa với khái niệm nền kinh tế tri thức, thì một số công trình

nghiên cứu khác cho thấy rằng thuật ngữ "Nền kinh tế mới" liên quan trực tiếp hơn đến sự tăng trưởng bền vững và phi lạm phát với mức độ đầu tư cao hơn vào công nghệ thông tin truyền thông (ICT) và tái cơ cấu lại nền kinh tế, như chúng ta đã từng chứng kiến ở Mỹ vào cuối những năm 90. Nền kinh tế mới chú trọng vào từng vai trò riêng của ICT và vào sự tái cơ cấu trong tăng năng suất của tổng yếu tố trong khi KBE nhấn mạnh đến tầm quan trọng ngày càng tăng của tri thức trong mọi hoạt động kinh tế.

Từ năm 2000, Ủy ban kinh tế (EC) của APEC đã tiến hành thực hiện các nghiên cứu đánh giá về nền kinh tế tri thức và xu thế đang nổi lên hiện nay về sự phát triển của nền kinh tế mới tại các quốc gia thuộc APEC, trong đó phân tích các đặc tính của KBE theo 4 khía cạnh then chốt: môi trường kinh doanh, hệ thống đổi mới, phát triển nguồn nhân lực (HRD) và cơ sở hạ tầng ICT. Nhận thấy rằng, sự tăng trưởng kinh tế sẽ trở nên bền vững nhất đối với các nền kinh tế phát triển theo hướng KBE, các nghiên cứu của EC đã tiến hành đánh giá về phạm vi, mà trong đó có thể áp dụng các đặc tính của KBE cho các nền kinh tế APEC và tiến hành xem xét kỹ lưỡng môi trường chính sách mà các nền kinh tế APEC đã và nên tuân theo nhằm đạt được năng suất lao động cao hơn của một "kiểu mẫu nền kinh tế mới".

EC đã tiến hành nghiên cứu 16 trường hợp điển hình, trong số 12 nền kinh tế APEC để phát hiện ra những bằng chứng kinh tế vĩ mô và vi mô minh họa về những ích lợi và những thách thức nảy sinh trong khi theo đuổi các chính sách cơ cấu, mà nếu thiếu sự áp dụng các chính sách này trong các lĩnh vực như ICT, vốn con người, đổi mới và tinh thần kinh doanh, thì sẽ không mang lại hiệu

quả cho việc kích lệ sự chuyển biến cần thiết để đưa các nền kinh tế APEC hướng tới hoà nhập vào nền kinh tế mới toàn cầu. Bên cạnh đó các nghiên cứu của EC cũng xem xét khả năng hợp tác chặt chẽ hơn trong khối APEC để giúp các nước thành viên phát triển theo hướng nền kinh tế mới và nền kinh tế tri thức.

Trong các nghiên cứu của mình, Ủy ban Kinh tế APEC đã tiến hành phân tích một loạt các vấn đề quan trọng liên quan tới các động lực thúc đẩy tăng trưởng trong nền kinh tế mới và coi đó là các khía cạnh cần lưu ý trong các chính sách quốc gia của các nước thành viên APEC để hướng tới nền kinh tế mới. Đó là các vấn đề: Vai trò của đổi mới trong ngành dịch vụ trong nền kinh tế mới; sự đóng góp của ICT cho sự tăng năng suất lao động; các chương trình nghiên cứu và triển khai (R-D) quốc gia và đóng góp của R-D đối với tăng trưởng kinh tế, các kinh nghiệm tổ chức và các chiến lược kinh doanh; và tầm quan trọng của tinh thần kinh doanh trong nền kinh tế mới.

Tri thức thể hiện ở các ý tưởng, sáng chế, phát minh quy trình,... trong sản xuất và đời sống. Trên phương diện hành vi có thể quan sát được thì tri thức là khả năng của một cá nhân hay một nhóm người trong việc hướng dẫn, thuyết phục những người khác thực hiện một quy trình tạo ra sự chuyển hoá.

Trên phương diện kinh tế, tri thức là tư liệu sản xuất. Nó được sinh ra, trao đổi và sử dụng sản xuất để tạo ra sản phẩm và dịch vụ. Tri thức phải được đánh giá, có giá trị và được mua bán trên thị trường.

Đo lường và đánh giá tri thức là một việc khó. Vì nó là sản phẩm vô hình, trừu

tượng, chuyển tải bằng thông tin (vì vậy, có người quan niệm nền kinh tế tri thức là nền kinh tế thông tin) và trong kinh tế thị trường, giá cả phải được hình thành và xác định thông qua thị trường, qua thoả thuận giữa người mua và người bán. Muốn thế, tri thức phải xác định được sở hữu và giá trị được đảm bảo trong xã hội thực thi nghiêm ngặt sở hữu trí tuệ. Như vậy, xã hội được tổ chức quản lý cao theo phương thức thị trường, đặc biệt là thị trường khoa học công nghệ là một cột trụ của nền kinh tế tri thức.

Tri thức có được khi con người rút ra kinh nghiệm trong sản xuất và đời sống, học hỏi người khác và từ hoạt động nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ. Vì vậy, một cột trụ nữa của nền kinh tế tri thức là nguồn nhân lực với chất lượng cao.

Tri thức đi vào sản xuất chủ yếu qua công nghệ cao. Công nghệ cao vừa là kết tinh của tri thức, vừa là công cụ, phương tiện của tri thức tác động vào kinh tế và đời sống nhân dân. Vì vậy, người ta cho rằng công nghệ cao là cốt lõi của nền kinh tế tri thức. Chúng ta có thể coi công nghệ cao là một cột trụ của nền kinh tế tri thức.

Một cột trụ nữa của nền kinh tế tri thức là mạng lưới cơ sở hạ tầng phát triển, đặc biệt là mạng Bưu chính viễn thông, Internet.

Như vậy, nền kinh tế tri thức có 4 cột trụ là Công nghệ cao, nhân lực chất lượng cao, cơ sở hạ tầng kinh tế và thị trường.

Trong một xã hội, một quốc gia, nền kinh tế tri thức tồn tại song song với kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và có khi chúng kết hợp, trộn lẫn với nhau trong một sản phẩm. Nền kinh tế Mỹ, có người đánh giá là 20% thuộc kinh tế tri thức, nông nghiệp chỉ còn 1,3%, là quốc gia dẫn đầu

thế giới hiện nay về nền kinh tế tri thức. Xã hội loài người về phương diện kinh tế đi từ trồng trọt, chăn nuôi lên tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp đại cơ khí và nay bắt đầu chuyển sang kinh tế tri thức. Công ty Microsoft là công ty điển hình về nền kinh tế tri thức.

Nền kinh tế tri thức được phản ánh, đo lường, định lượng bằng thống kê như thế nào; đây là vấn đề mới đặt ra cho các nhà kinh tế, đặc biệt là các nhà thống kê.

II. Tiêu chí phản ánh nền kinh tế tri thức

1. Vấn đề tính giá trị tăng thêm và giá trị sản xuất của nền kinh tế tri thức.

Vấn đề mấu chốt là vạch ra khái niệm sản phẩm của nền kinh tế tri thức. Sản phẩm có hàm lượng chất xám cao là sản phẩm của nền kinh tế tri thức. Nhưng hàm lượng cao là bao nhiêu và chất xám đo bằng gì?

Công nghiệp phần mềm mà sản phẩm là các chương trình máy tính có giá trị gia tăng thường trên 80% được coi là bộ phận cấu thành của nền kinh tế tri thức. Tuy nhiên, những sản phẩm (vật chất và dịch vụ) có giá trị tăng thêm trên 50% nhưng được tạo ra bởi đội ngũ lao động cao cấp, chất lượng cao (đại học trở lên) là sản phẩm của nền kinh tế tri thức.

Sản phẩm của R - D có thể được coi là sản phẩm của nền kinh tế tri thức. Như vậy, tổng khối lượng giá trị thực hiện (trao đổi mua bán) trên thị trường khoa học Công nghệ có thể tính vào tổng giá trị sản xuất của nền kinh tế tri thức.

Các khu Công nghệ cao tạo ra các sáng chế, phát minh và sản phẩm có hàm lượng chất xám cao có thể coi là thuộc khu vực kinh tế tri thức. Giá trị tăng thêm của các

khu Công nghệ cao được tính trong GDP của khu vực kinh tế tri thức.

Các doanh nghiệp nào thuộc về khu vực kinh tế tri thức? Có thể điều tra để lập danh sách các doanh nghiệp này, tính giá trị tăng thêm của họ trong năm, tổng hợp riêng để tính GDP của khu vực nền kinh tế tri thức trong năm.

Các doanh nghiệp đa ngành, đa lĩnh vực có thể điều tra để xác định tỷ lệ giá trị sản xuất thuộc nền kinh tế tri thức trong giá trị sản xuất của họ để từ đó tính ra tỷ lệ và khối lượng giá trị tăng thêm đóng góp của họ vào khu vực nền kinh tế tri thức.

2. Các tiêu chí phản ánh sự chuyển dịch sang nền kinh tế tri thức.

- Tổng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP)

- Tỷ lệ đóng góp của R - D trong GDP.

- Tổng chi tiêu xã hội cho R - D, trong đó phần của Nhà nước.

- Giá trị chuyển giao công nghệ. Các khoản chi trả trực tiếp hoặc tiền bản quyền để mua công nghệ trong toàn nền kinh tế

- Tỷ lệ chi tiêu cho R - D khu vực doanh nghiệp.

- Tổng số lao động tham gia vào hoạt động R - D.

- Số lượng các tổ chức khoa học và Công nghệ, R - D.

- Tổng số người tiếp cận Internet.

- Tỷ lệ tăng trưởng thuê bao điện thoại và số điện thoại thuê bao tính cho 1000 dân.

- Các chỉ tiêu phản ánh sự phát triển thị trường khoa học công nghệ.

- Các chỉ tiêu phản ánh sự hình thành và phát triển thương mại điện tử.

- Các chỉ tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo công nghệ thông tin.

- Doanh số của ngành công nghệ thông tin, công nghiệp phần mềm và tỷ lệ tăng trưởng của chúng qua các năm.

III. Nhận dạng nền kinh tế tri thức ở nước ta

Trong bối cảnh chung toàn cầu của những chuyển dịch mang tính cơ cấu như cuộc cách mạng công nghệ thông tin và truyền thông, những tiến bộ nhanh chóng và vượt bậc của khoa học - công nghệ, làn sóng toàn cầu hoá kinh tế đang mạnh thúc đẩy cạnh tranh trên quy mô toàn cầu, những thay đổi trong nền kinh tế văn hoá, lối sống và thị yếu của người tiêu dùng khi thu nhập tăng lên, các quốc gia đang chuẩn bị cho mình khung chính sách để thích ứng với bối cảnh mới đó.

Phân tích chiến lược điều chỉnh thực tế của các quốc gia, chúng ta thấy các ưu tiên chính sách chung sau: xây dựng một mạng viễn thông phát triển, cước phí rẻ và hiệu quả; tăng năng suất thông qua các ngành kinh doanh có hàm lượng thông tin và giá trị tăng thêm cao; tăng tính cạnh tranh của khu vực công nghiệp và thương mại; hỗ trợ khu vực dịch vụ thông tin; đầu tư tập trung cho giáo dục và đào tạo (đặc biệt là giáo dục kỹ thuật) kết hợp với các chương trình học tập suốt đời và nâng cao kỹ năng; nâng cao mặt bằng dân trí, người dân được thông tin tốt và tham gia sâu rộng hơn vào nền dân chủ, các chiến lược ủng hộ và bảo tồn các giá trị văn hoá.

Ngày nay, các nước đi sau hoàn toàn có thể gạt hái những cơ may của làn sóng công nghệ mới. Họ hoàn toàn có khả năng bắt kịp nhanh chóng các nước đi trước bởi chính tính ưu việt của làn sóng công nghệ mới hiện nay. Là nước đi sau, họ không cần phải phát minh lại những gì sẵn có. Nhiệm vụ chính của các nước đi sau là *mở cửa tri thức và ý tưởng từ các nước đi trước*. Vấn đề đặt ra ở đây là: *Sản xuất ra công nghệ mới là rất quan trọng song đối với vị thế của một nước đi sau năng lực "bắt chước" và hấp thụ công nghệ là điều sống còn*. Chính vì vậy, hai chính sách mở cửa thị trường và đầu tư cho giáo dục phải là hai trụ cột của khung chính sách cho các nước đang phát triển đón bắt xu thế kinh tế tri thức. Mở cửa thị trường giúp đẩy nhanh quá trình chuyển giao tri thức còn giáo dục sẽ giúp nâng cao năng lực hấp thụ tri thức của một quốc gia. Như vậy, trong thời đại kinh tế tri thức, lợi thế so sánh của nước đi sau nằm trong khả năng ứng dụng công nghệ nguồn từ các nước đi trước chứ không phải là khả năng phát minh ra các công nghệ đó.

Đối với nước ta, chính sách chưa hướng mạnh sang hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức.

- Môi trường chính sách vĩ mô của Việt Nam chưa khuyến khích các ngành công nghiệp có hàm lượng tri thức cao. Việt Nam chưa hình thành được một cơ chế hợp tác hiệu quả giữa giới khoa học và giới doanh nghiệp.

- Việt Nam chưa có một hệ thống định chế tài chính đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu công nghệ và đổi mới. Trong nền kinh tế tri thức, nguồn tài chính là điều kiện tiên quyết để biến ý tưởng thành tri thức, thành công nghệ, do đó Việt Nam cần xây

dựng được các mô hình quỹ đầu tư cho hoạt động sản sinh ra tri thức, đặc biệt là loại hình quỹ đầu tư mạo hiểm.

- Các nước đi sau đang trông chờ vào mô hình khu công nghệ cao hay vườn ươm doanh nghiệp công nghệ như là cứu cánh trong làn sóng cách mạng công nghệ hiện nay. Việc xây dựng thành công một khu công nghệ cao không chỉ là vấn đề hạ tầng cơ sở hay một vài chính sách ưu đãi ngành manh mún. Trên thế giới có rất nhiều khu công nghệ cao hay các vườn ươm doanh nghiệp song thành công không nhiều vì tính đồng bộ của môi trường thể chế, chính sách cũng như các điều kiện văn hoá - xã hội chưa cao. Yếu tố quyết định thành công của một khu công nghệ cao là mối quan hệ hợp tác giữa các trung tâm nghiên cứu triển khai và doanh nghiệp, nguồn tài chính đầu tư, môi trường văn hoá trong kinh doanh và tính hiệu lực của quá trình chuyển giao công nghệ, tri thức,... chứ không phải là diện tích đất rộng hay một vài ưu đãi ban đầu.

- Trong thời đại kinh tế tri thức, lợi thế cạnh tranh chuyển từ tài nguyên thiên nhiên, đất đai, lao động nhiều sang tri thức, kỹ năng và tính sáng tạo. Tất cả các yếu tố này chỉ có thể tìm thấy trong con người, do đó con người trở thành tài sản quý nhất của xã hội, miễn là tạo ra của cải cho xã hội đó. Công nhân tri thức, vì thế, trở thành yếu tố sản xuất hàng đầu quyết định sức cạnh tranh của mỗi quốc gia (The Economist 2001). Đất nước nào thu hút được nhiều công nhân tri thức sẽ dẫn đầu trong quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế tri thức. Ở đây, chính sách nhập cư đóng vai trò quyết định. Đối với Việt Nam, giữ được "chất xám" đã khó, thu hút được "chất xám" thế giới còn khó gấp bội. Nếu làm được điều này, Việt

Nam sẽ rút ngắn đáng kể quá trình Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá nền kinh tế, tiếp cận nhanh hơn vào nền kinh tế tri thức.

- Tăng cường công tác bảo hộ quyền tác giả và phát triển nhanh các ngành kinh tế dựa vào quyền tác giả. Việt Nam đã tham gia Công ước Bern về quyền tác giả từ ngày 26-10-2004. Tuy nhiên, vấn đề là phải thực thi có hiệu lực, hiệu quả làm cơ sở phát triển các ngành dựa vào tri thức.

Chỉ riêng tại Mỹ, các ngành công nghiệp dựa trên quyền tác giả đã tạo ra hơn 460 tỷ đô la vào GDP và xuất khẩu tới 80 tỷ đô la mỗi năm. Trong nền kinh tế tri thức toàn cầu các ngành công nghiệp dựa trên quyền tác giả không những đóng góp phần quan trọng vào tổng thu nhập quốc dân mà còn cung cấp "nguyên liệu trí tuệ, đầu vào cho khoa học, giáo dục, truyền bá kiến thức, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Thông qua hỗ trợ sáng tạo, các ngành này thúc đẩy sản xuất gia tăng mạnh mẽ và tạo ra nhiều việc làm. Quyền tác giả đã nổi lên như một phương tiện quan trọng nhất để điều chỉnh thị trường các sản phẩm trí tuệ trên phạm vi quốc tế.

Quyền tác giả kích thích sự sáng tạo, tạo ra khả năng thúc đẩy phát triển văn hoá và kinh tế tri thức tại các nước đang phát triển. Quyền tác giả không chỉ mang lại sự giàu có cho những cá nhân tài năng tại các nước đang phát triển, đóng góp nguồn thu nhập nhiều hơn cho nền kinh tế đất nước mà trong một số trường hợp, nhờ tham gia các công ước quốc tế về quyền tác giả, nhiều nước đang phát triển đã gạt hái được những thành công đáng kính nể, mà tiêu biểu là ngành công nghiệp phần mềm của Ấn Độ. Từ năm 1995 đến 2002, thu nhập của ngành này đã tăng từ 787 triệu đô la lên 10,2 tỷ đô la, trong đó xuất khẩu phần mềm tăng từ

489 triệu đô la lên 7,8 tỷ đô la và mang lại việc làm cho khoảng 520.000 người.

Quyền tác giả mang lại cơ hội phát triển lành mạnh và nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của các ngành công nghiệp dựa trên quyền tác giả. Tại các nước đang phát triển, việc bảo hộ quyền tác giả tại thị trường trong nước sẽ tạo ra cơ may để các nhà kinh doanh phát huy tài năng nhằm phát triển lành mạnh các ngành công nghiệp dựa trên quyền tác giả, như các ngành xuất bản, điện ảnh, âm nhạc và công nghiệp phần mềm có địa vị quan trọng trong nền kinh tế tri thức. Việc bảo hộ quyền tác giả có thể giúp kích thích phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của các ngành công nghiệp dựa trên cơ sở quyền tác giả tại các nước đang phát triển.

Ngày nay, trong bối cảnh cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế tri thức toàn cầu, nắm giữ sở hữu quyền tác giả sẽ có được ưu thế đáng kể để cạnh tranh và phát triển. Để nhận được các lợi ích tối đa từ quyền tác giả, các nước đang phát triển cần đáp ứng các yêu cầu quan trọng sau:

Thứ nhất, phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền tác giả. Thứ hai, cần nhanh chóng xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng của các ngành công nghiệp dựa trên cơ sở quyền tác giả. Các tổ chức quốc tế như Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Tổ chức Văn hoá khoa học và giáo dục Liên Hợp Quốc (UNESCO) cùng Ngân hàng thế giới (WB) đều cho rằng, để nhận được lợi ích tối đa từ việc khai thác thương mại các sản phẩm trí tuệ, điều quan trọng là các nước đang phát triển cần xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng các ngành công nghiệp dựa trên quyền tác giả. Nếu các điều kiện này được đáp ứng, các (tiếp theo trang 21)

NỀN KINH TẾ TRI THỨC KHÁI NIỆM, TIÊU CHÍ.... (tiếp theo trang 15)

nước đang phát triển sẽ nhận được nhiều lợi ích hơn từ quyền tác giả. Chẳng hạn nếu có cơ sở vật chất hiện đại cho hoạt động xuất bản và ghi băng đĩa thì các công ty tại các nước đang phát triển sẽ dễ dàng tham gia cạnh tranh và vươn ra thị trường quốc tế ■

Tài liệu tham khảo

- OECD (1996): "The Knowledge-based Economy", OECD, Paris.

- OECD (1999): "Toward Knowledge-based economy: Facts and Figures", OECD, Paris.

- OECD (2001): "The New Economy: Beyond the Hype", OECD, Paris.

- World Bank (1999): "Knowledge for Development", World Development Report.

- APEC (2000): "Toward the Knowledge-based Economy.

- APEC (2001): "The New Economy in APEC"

- Joseph E. Stiglitz (1998): "Towards a New Paradigm for Development: Strategies, Policies, and Processes, Raul Prebisch Lecture at UNCTAD, Geneva.

- Joseph E. Stiglitz (1999): "Public Policy for a Knowledge Economy", Center for Economic Policy Research (cepr), DTI, London, UK.

- John Houston & Peter Sheehan (2000): "A Primer on the Knowledge Economy", Center for Strategic Economic Studies (CSES), Victoria University, Australia.

- Lester Thurow (2000): "Creating Wealth", Nicholas Brealey Publishing, - Ngô Quang Tùng (2000): "Xu thế kinh tế tri thức", NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Daniel Cohen và Michèle Debonneuil (2001): "Nền kinh tế mới, chương trình Dẫn đầu kinh tế" Việt-pháp, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.